

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 27-9-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Huỳnh Nguyên Vỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lý Thị M, sinh năm 1991, tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã B, huyện H, tỉnh Long An; nơi đăng ký tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L (đã chết) và bà Tạ Thị K; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Chị Lê Ngọc Thủy T, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1978, nơi cư trú: số C, tỉnh lộ M, phường Ta, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bà Cao Thị L2, sinh năm 1981; nơi cư trú: số C, tỉnh lộ M, phường Ta, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị M và Lê Ngọc Thủy T là bạn bè với nhau. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20-4-2019, M đến trước công ty S tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện Bàu Bàng mượn xe mô tô Vision biển số 61K1-151.56 của T để đi xuống thành phố Hồ Chí Minh chuộc điện thoại cầm cổ. M sợ đi xa T không cho mượn xe nên nói dối là đi đón mẹ ở dưới quê lên phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. T đồng ý và giao xe cho M (trong cốp xe có giấy đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân của T), M điều khiển xe đến tiệm cầm đồ G thuộc phường Ta, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh chuộc điện thoại nhưng không đủ tiền nên nảy sinh ý định và cầm cổ xe mô tô nói trên của T cho chủ tiệm là anh Lê Văn L1 và vợ là bà Cao Thị L2 được 20.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 21/4/2019, T không thấy M trả xe nên trình báo Công an thị trấn L tiếp nhận vụ việc và chuyển cho Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 186/KL-HĐĐG ngày 24-4-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận trị giá chiếc xe mô tô hiệu Vision biển số 61K1-151.56 là 28.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Vision biển số 61K1-151.56 và giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho bị hại Lê Ngọc Thủy T, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với hành vi cầm cổ tài sản của ông Lê Văn L1 và vợ là bà Cao Thị L2 khi cầm cổ xe mô tô hiệu Vision biển số 61K1-151.56 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì trong thời gian từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, M và T cùng đến tiệm cầm đồ của ông L1, bà L2 cầm cổ xe mô tô nói trên 01 lần và nhiều lần cầm cổ điện thoại. Ngày 20 tháng 4 năm 2019, khi cầm xe bị cáo M đưa cho ông L1 giấy đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân của T. Ông L1 hỏi chủ xe đâu thì M trả lời: *“Vợ em đi làm rồi, tối mới về”* (M và T có quan hệ đồng tính), nên ông L1 tin tưởng và cầm cổ xe nên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã có công văn đề nghị Công an quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính ông L1, bà L2 theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn L1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Cáo trạng số 28/CT - VKSBB ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm

sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 8 tháng đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho ông Lê Văn L1 và bà Cao Thị L2 số tiền 20.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20 tháng 4 năm 2019, bị cáo mượn xe mô tô hiệu Vision biển số 61K1-151.56 của bị hại Lê Ngọc Thủy T tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nói là đi công việc. Sau khi nhận được xe trên, M đi xuống phường Ta, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh chuộc điện thoại đã cầm trước đó, nhưng do không đủ tiền chuộc nên bị cáo đã cầm cố xe mô tô nói trên được 20.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên

là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và vì động cơ tư lợi nên đã cố ý phạm tội. do đó cần có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo Lý Thị M về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như sau.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét ông L1 và bà L2 có hành vi cầm cố tài sản nhưng không biết tài sản bị cáo mang đi cầm là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông L1 và bà L2 không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi cầm cố tài sản không chính chủ của ông L1 và bà L2 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã có công văn đề nghị Công an quận BT, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính ông L1, bà L2 theo quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi cầm xe mô tô của bị hại cho ông L1 và bà L2 số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Cho nên ông Lê Văn L1 và bà Cao Thị L2 yêu cầu bị cáo trả số tiền 20.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Vision biển số 61K1-151.56 và giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho bị hại Lê Ngọc Thủy T, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, các Điều 136, 260, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lý Thị M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lý Thị M 8 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lý Thị M phải bồi thường cho ông Lê Văn 1 và bà Cao Thị L2 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: bị cáo Lý Thị M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THA huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử TAND(nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng